TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2024/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 17 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 102/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn*: **Anh Nguyễn Đình Kh**, sinh năm 1986;

Địa chỉ: khu D, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn*: Ông Bùi Đức D – Trợ giúp viên thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ;
- *Bị đơn*: **Chị Nguyễn Thị H**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: khu D, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều: 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 01 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 01 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Đình Kh và chị Nguyễn Thị H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về con chung*: Anh Kh và chị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 02/8/2008 và Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày 14/4/2014. Khi ly hôn, anh Kh được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, chị H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ đến

khi từng cháu thành niên. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung không ai được cản trở.

2.2. *Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng*: Anh Kh và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí sơ thẩm:

Miễn nộp toàn bộ tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho anh Nguyễn Đình Kh theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị H phải nộp toàn bộ 75.000 đồng

(bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Chi cục THADS;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Mai